

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công an số 486/2004/QĐ-BCA (A11) ngày 28/5/2004 về Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn phòng Quốc hội.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;*

*Sau khi thống nhất với Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn phòng Quốc hội gồm những tin trong phạm vi sau:

1. Phụ lục các Nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước, phân

bổ ngân sách; phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm;

2. Các tài liệu phục vụ Quốc hội quyết định về tổ chức bộ máy nhà nước; về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm các chức danh lãnh đạo nhà nước; về phê chuẩn, miễn nhiệm và cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ; thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa công bố;

3. Báo cáo kết quả giám sát việc chấp hành pháp luật ở các địa phương, các cơ quan, ban, ngành, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội chưa công bố;

4. Hồ sơ, tài liệu xác minh đơn thư tố cáo đại biểu Quốc hội, cán bộ cao cấp và cán bộ, công chức, viên chức Văn phòng Quốc hội chưa công bố;

5. Hồ sơ nhân sự đại biểu Quốc hội, cán bộ, công chức, viên chức Văn phòng Quốc hội;

6. Lộ trình, tài liệu về các chuyến công tác trong nước và ngoài nước của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Quốc hội;

7. Phương án, kế hoạch bảo vệ trụ sở cơ quan, bảo vệ các kỳ họp của Quốc hội, các hội nghị của Quốc hội;

8. Số liệu thống kê, kế toán, thu, chi của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội chưa công bố;

9. Tài liệu thông tin về khóa bảo mật, mật khẩu, mật mã và giải mã trong hệ thống máy tính của Văn phòng Quốc hội;

10. Các tài liệu có sử dụng số liệu, tin

từ tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật của các cơ quan khác.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Cơ quan chức năng của Văn phòng Quốc hội và Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

**Điều 3.** Các cơ quan có tên tại Điều 1 của Quyết định này và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

**Lê Hồng Anh**

*BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI*

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải số 08/2004/  
QĐ-BGTVT ngày 26/5/2004  
về vùng nước cảng biển  
thuộc địa phận thành phố  
Hồ Chí Minh và khu vực  
trách nhiệm của Cảng vụ  
thành phố Hồ Chí Minh.**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG  
VẬN TẢI

*Căn cứ Điều 58 Bộ Luật Hàng hải Việt  
Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP  
ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính  
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,  
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao  
thông vận tải;*

*Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân  
thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số  
2811/UB-ĐT ngày 16 tháng 8 năm 2002;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế  
và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

1. Vùng nước trước các cầu cảng: Sài Gòn, Tân Cảng, Tân Thuận Đông, Bến Nghé, Công ty liên doanh Phát triển tiếp vận số 1, ELF GAS Sài Gòn, Biển Đông, Rau Quả, Bông Sen, Dầu thực vật (Navioil), Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, Xi măng Sao Mai, Sài Gòn Petro, Petec, Vitaico, Xi măng Nghi Sơn, Nhà máy điện Hiệp Phước, Petechim, Phú Đông, Kho xăng dầu VK 102, Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ hàng giang II, các nhà máy đóng-sửa chữa tàu biển: Ba Son, Công ty Đóng tàu Nam Sài Gòn, Nhà máy tàu biển Sài Gòn và Nhà máy Đóng tàu An Phú.

2. Vùng nước các tuyến luồng hàng hải, vùng neo đậu, tránh bão thuộc các cầu cảng biển quy định tại khoản 1 Điều này và vùng chuyển tải khu vực Thiêng Liêng.